

New words	Transcription		Meaning
	/ 'æf.rɪ.kəl/	(n)	Châu Phi
	/ ə 'mer.ɪ.kəl/	(n)	Châu Mỹ
	/ æn 'ta:k.tɪkəl/	(n)	Châu Nam Cực
	/ 'eɪ.ʒəl/	(n)	Châu Á
	/ ɒs 'treɪ.lɪ.əl/	(n)	Châu Úc
	/ ə 'wɔ:d /	(n, v)	giải thưởng, trao giải thưởng
	/ 'kɒm.ən/	(adj)	phổ biến, thông dụng
	/ 'kɒn.tɪ.nənt/	(n)	châu lục
	/ 'kri:.tʃər/	(n)	sinh vật, tạo vật
	/ dɪ 'zain/	(n, v)	thiết kế
	/ 'jʊə.rəp/	(n)	Châu Âu
	/ 'dʒɜ:.ni/	(n)	chuyến đi
	/ 'lænd.ma:k/	(n)	danh thắng (trong thành phố)
	/ 'lʌv.li/	(adj)	đáng yêu
	/ 'pæl.ɪs/	(n)	cung điện
	/ 'pɒp.jʊ.lər/	(adj)	nổi tiếng, phổ biến
	/ 'pəʊst .ka:d/	(n)	bưu thiếp
	/ 'sɪm.bəl/	(n)	biểu tượng
	/ taʊər/	(n)	tháp
	/ wɜ:ld 'her.ɪ.tɪdʒ/	(n)	Di sản thế giới được UNESCO công nhận

	<i>/wel-nəʊn/</i>	(adj)	nổi tiếng
--	-------------------	-------	-----------